

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST
Ngày: 13-4-2022
V/v: “Tranh chấp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Hồng.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Khánh Hội;

2/ Ông Lê Văn Toàn;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2021/TLST-DS, ngày 10 tháng 11 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hụi”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Đỗ Ngọc M (T), sinh năm 1984;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Ngọc M, sinh năm: 1982 (theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2021) Có mặt.

Cùng địa chỉ: khu phố 2, thị trấn B, huyện M, tỉnh L;

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm: 1977 (Vắng mặt không lý do);

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn B, huyện M, tỉnh L;

3/ Người làm chứng:

3.1/ Bà Phan Thị V, sinh năm: 1968 (Có mặt);

3.2/ Ông Dương Văn L, sinh năm: 1973 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện M, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/6/2021, trong quá trình tố tụng và lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc M trình bày như sau:

Nguyên vào ngày 01/8/2012 AL ông Đỗ Ngọc M (T) có tham gia hội do bà Nguyễn Ngọc N làm chủ hội. Hội 5.000.000đ, một năm khai hội 02 lần (lần 01 vào ngày 01/8 và lần 02 vào ngày 01/3), hội gồm có 17 phần. Hội miễn vào ngày 01/8/2020 AL. Ông M (T) là người hót hội cuối cùng. Tổng số tiền mà ông M (T) phải được nhận là 16 người x 5.000.000đ = 80.000.000đ, trừ tiền huê hồng là 1.500.000đ, số tiền còn lại là 78.500.000đ. Ngày 01/8/2020 AL bà N chỉ giao cho ông M (T) 10.000.000đ, còn nợ lại 68.500.000đ đến nay vẫn chưa trả.

Nay ông Đỗ Ngọc M (T) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Ngọc N trả số tiền nợ hội 68.500.000đ, trả một lần và không yêu cầu tính lãi suất.

2. Bị đơn, bà Nguyễn Ngọc N đã được Tòa án tổng đạt theo thủ tục tố tụng thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sau đó vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tòa án đã triệu tập bị đơn tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Nhưng bà N tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

3. Người làm chứng, bà Phan Thị V trình bày: Bà có tham gia chơi hội chung với ông M (T) do bà Nguyễn Ngọc N làm chủ hội. Hội 5.000.000đ, một năm khai hội 02 lần (lần 01 vào ngày 01/8 và lần 02 vào ngày 01/3), hội gồm có 17 phần. Hội khai lần đầu vào ngày 01/8/2012 AL và miễn vào ngày 01/8/2020 AL. Bà đã hót hội và bà biết là ông M (T) là người hót hội cuối cùng nhưng bà N chỉ có giao tiền hội cho ông M (T) 10.000.000đ, hiện vẫn còn nợ ông M (T) số tiền 68.500.000đ.

4. Người làm chứng, ông Dương Văn L trình bày: Ông có tham gia chơi hội chung với ông M (T) do bà Nguyễn Ngọc N làm chủ hội. Hội 5.000.000đ, một năm khai hội 02 lần (lần 01 vào ngày 01/8 và lần 02 vào ngày 01/3), hội gồm có 17 phần. Hội khai lần đầu vào ngày 01/8/2012 AL và miễn vào ngày 01/8/2020 AL. Ông đã hót hội và ông biết là ông M (T) là người hót hội cuối cùng nhưng bà N chỉ có giao tiền hội cho ông M (T) 10.000.000đ, hiện vẫn còn nợ ông M (T) số tiền 68.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: ông Đỗ Ngọc M (T) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Ngọc N trả lại số tiền hội làm phát sinh quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự về hội. Đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bà N cư trú tại huyện M, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Ngọc N đã được tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Ông Đỗ Ngọc M (T) yêu cầu bà Nguyễn Ngọc N trả số tiền hội 68.500.000đ.

[3.1] Xét ông M (T) khởi kiện và cung cấp chứng cứ là giấy hội, bà Nguyễn Ngọc N vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của ông M (T) nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày cùng tài liệu, chứng cứ của ông M (T) cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Thêm vào đó những người làm chứng trình bày có tham gia cùng dây hội với ông M (T) là dây hội ngày 01/8/2012 AL, dây hội gồm 17 phần tham gia do bà N làm chủ và ông M (T) là người hốt hội cuối cùng nhưng bà N chỉ mới giao cho ông M (T) 10.000.000đ tiền hội còn nợ lại số tiền 68.500.000đ. Do đó có căn cứ xác định ông M (T) có tham gia chơi hội và đã hốt hội của dây hội ngày 01/8/2012 AL, bà N còn nợ số tiền 68.500.000đ.

[3.2] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông M (T) là có cơ sở nên được chấp nhận. Ông M (T) không yêu cầu tính lãi suất đây là sự tự nguyện của đương sự nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Ngọc M (T) đối với bà Nguyễn Ngọc N.

Buộc bà Nguyễn Ngọc N phải trả cho ông Đỗ Ngọc M (T) số tiền nợ hội 68.500.000đ (Sáu mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng). Kể từ khi có đơn yêu cầu thi

hành án của Đỗ Ngọc M (T), nếu chậm thi hành, bà Nguyễn Ngọc N còn phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc N phải chịu 3.425.000đ (Ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Ông Đỗ Ngọc M (T) không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông M (T) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.712.500đ (Một triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0010287, ngày 10/11/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An; ;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy Hồng